

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2024
V/v: Kiện ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2024, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc “*Kiện ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-DS ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Giáp Thị T, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nông Văn T, sinh năm 1976.

Nơi thường trú: Thôn V, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giáp Thị T trình bày:* Tôi và ông Nông Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, đến năm 2002 chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi kết hôn ông T hay đánh đập tôi. Từ năm 2020 trở đi thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do ông T thường xuyên đánh đập, nhục mạ tôi và ngoại tình, tôi và ông T cũng đã sống ly thân từ năm 2020. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình xảy ra ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nông Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có ba con chung là Nông Văn T, sinh ngày 28/9/1998; Nông Thị D, sinh ngày 19/5/2000 và Nông

Văn C, sinh ngày 23/8/2005. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, có công ăn việc làm ổn định nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nông Văn Thìn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.*

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T; Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Thị T được ly hôn với ông Nông Văn T; Về con chung: Các con chung của bà T và ông T là Nông Văn T, sinh ngày 28/9/1998; Nông Thị D, sinh ngày 19/5/2000 và Nông Văn C, sinh ngày 23/8/2005 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Giáp Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nông Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Thị T và ông Nông Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2002. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của bà Giáp Thị T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông T thường xuyên đánh đập, nhục mạ bà T; từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng cho bị đơn ông Nông Văn T nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ghen tuông; hiện bà T và ông T đã sống ly thân.

HĐXX xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T, cho bà Giáp Thị T được ly hôn với ông Nông Văn T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Giáp Thị T và ông Nông Văn T có ba người con chung là Nông Văn T, sinh ngày 28/9/1998; Nông Thị D, sinh ngày 19/5/2000 và Nông Văn C, sinh ngày 23/8/2005; Các con chung của bà T và ông T đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Bà Giáp Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Giáp Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Thị T được ly hôn với ông Nông Văn T.

- Về con chung: Các con chung của bà Giáp Thị T và ông Nông Văn T đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà Giáp Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Giáp Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy